

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 – 40

11/2021
KINH
FC

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty Việt Thắng – CTCP (“Công ty”) hân hạnh trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

1. Thông tin chung

Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301445210, đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 02 năm 2007 và các lần đăng ký thay đổi với lần thay đổi gần nhất là lần thứ 8 ngày 10 tháng 03 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Công ty có mã chứng khoán là TVT được niêm yết trên Sàn giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định 223/QĐ-SGDHCM ngày 27 tháng 6 năm 2017.

- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán: TVT
- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu niêm yết: 21.000.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá: 210.000.000.000 VND

Trụ sở chính của Công ty:

- Địa chỉ : 127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại : 028 3896 9337 – 3896 0543
- Fax : 028 3896 9319

Ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất vải.
- Xây dựng dân dụng.
- Lắp đặt máy móc và thiết bị ngành công nghiệp.
- Sản xuất bông, xơ, sợi.
- Sản xuất sản phẩm may mặc.
- Kinh doanh bất động sản.
- Mua bán vải, sản phẩm may mặc.
- Mua bán sản phẩm bông, xơ, sợi. Mua bán hóa chất ngành công nghiệp, ngành xây dựng (trừ hóa chất độc hại mạnh).
- Mua bán nguyên vật liệu ngành công nghiệp, ngành xây dựng.
- Mua bán máy móc, thiết bị ngành công nghiệp, ngành xây dựng.
- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội tổng hợp (trừ lưu trú bệnh nhân).

Trong năm 2021, hoạt động chính của Công ty là sản xuất và mua bán sản phẩm bông, xơ, sợi, vải, sản phẩm may mặc; hoạt động thoát nước và xử lý nước thải; thu gom rác thải không độc hại; hoạt động của các cảng tin; kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban quản lý điều hành

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban quản lý điều hành trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Đức Khiêm	Chủ tịch
Ông Diêu Chí Hào	Thành viên
Bà Trần Thị Thanh Phượng	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Minh	Thành viên
Ông Phạm Minh Tuấn	Thành viên

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Đức Lợi	Trưởng ban
Bà Vũ Thị Thùy Dương	Thành viên
Bà Đào Thị Nội	Thành viên

Ban Quản lý điều hành

Họ và tên	Chức vụ	Bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Nguyễn Quang Minh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/06/2021
Ông Nguyễn Quang Minh	Quyền Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 31/05/2021
Ông Lê Nguyên Ngọc	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/06/2021
Ông Diệp Quốc Bình	Kế toán trưởng	

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Đức Khiêm – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

7. Công bố các báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc công bố Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc 





Ông NGUYỄN QUANG MINH
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2022



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International

Số: 189/2022/BCKT-HCM.001074



Accountants &
business advisers

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP (được gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 14 tháng 3 năm 2022, từ trang 05 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



TRANG ĐẮC NHA
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2022

LÊ NGỌC HẢI
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0179-2018-009-1

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		622.017.997.484	814.649.773.560
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	99.072.927.078	197.779.526.106
Tiền	111		79.072.927.078	127.779.526.106
Các khoản tương đương tiền	112		20.000.000.000	70.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		145.000.000.000	220.000.000.000
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2.1	145.000.000.000	220.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		219.308.750.682	243.698.717.254
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	213.124.194.028	244.436.054.610
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.855.082.902	750.766.180
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	15.133.247.143	12.392.512.924
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(11.803.773.391)	(13.880.616.460)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140	5.6	156.903.170.959	147.728.328.126
Hàng tồn kho	141		165.050.175.829	153.959.125.540
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(8.147.004.870)	(6.230.797.414)
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.733.148.765	5.443.202.074
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7.2	1.720.898.632	5.419.659.008
Thuế GTGT được khấu trừ	152		12.250.133	17.963.802
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.14	-	5.579.264
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		529.260.046.689	573.520.682.844
Các khoản phải thu dài hạn	210		75.000.000	75.000.000
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216	5.4	75.000.000	75.000.000
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		377.285.080.632	407.410.975.444
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	377.285.080.632	407.410.975.444
Nguyên giá	222		1.161.623.832.211	1.143.007.895.065
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(784.338.751.579)	(735.596.919.621)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
Bất động sản đầu tư	230	5.9	47.942.501.681	53.549.752.588
Nguyên giá	231		97.295.057.219	97.295.057.219
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(49.352.555.538)	(43.745.304.631)
Tài sản dở dang dài hạn	240		5.480.276.021	5.889.950.274
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	5.480.276.021	5.889.950.274
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2.2	84.997.120.686	88.549.470.627
Đầu tư vào công ty con	251		77.890.684.464	77.890.684.464
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		16.058.786.163	16.058.786.163
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.600.000.000	3.600.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(12.552.349.941)	(9.000.000.000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		13.480.067.669	18.045.533.911
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7.2	13.025.339.118	16.853.369.471
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.11	454.728.551	1.192.164.440
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.151.278.044.173	1.388.170.456.404

TÔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		593.418.824.951	877.195.104.596
Nợ ngắn hạn	310		528.193.332.757	814.624.941.644
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	27.725.922.827	29.838.930.124
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	4.952.393.917	2.345.717.941
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	11.671.467.170	14.679.932.652
Phải trả người lao động	314		41.763.302.781	30.286.663.179
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	244.849.455	246.215.391
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	36.006.914.109	74.217.654.081
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	397.099.180.948	655.522.800.569
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.18	8.729.301.550	7.487.027.707
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		65.225.492.194	62.570.162.952
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337	5.16	3.358.428.817	3.382.269.817
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17	61.867.063.377	59.187.893.135
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		557.859.219.222	510.975.351.808
Vốn chủ sở hữu	410	5.19	557.859.219.222	510.975.351.808
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		210.000.000.000	210.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		210.000.000.000	210.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		3.062.727.273	3.062.727.273
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		53.396.822.577	53.396.822.577
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		291.399.669.372	244.515.801.958
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		203.188.775.241	174.177.967.985
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		88.210.894.131	70.337.833.973
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.151.278.044.173	1.388.170.456.404

HOÀNG THỊ THÚY VÂN
Người lập biểu

DIỆP QUỐC BÌNH
Kế toán trưởng



NGUYỄN QUANG MINH
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2022

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.281.737.614.206	1.598.965.080.676
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.995.502.500	4.132.561.706
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	1.279.742.111.706	1.594.832.518.970
Giá vốn hàng bán	11	6.2	1.079.813.445.873	1.431.530.878.674
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		199.928.665.833	163.301.640.296
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	27.128.812.940	21.578.953.870
Chi phí tài chính	22	6.4	31.338.918.187	35.545.633.268
- Trong đó, chi phí lãi vay	23		27.393.438.511	34.266.656.403
Chi phí bán hàng	25	6.5	4.814.507.910	6.663.635.260
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	83.976.247.736	55.161.097.132
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		106.927.804.940	87.510.228.506
Thu nhập khác	31	6.7	3.411.903.416	605.039.384
Chi phí khác	32		80.390.581	186.834.858
Lợi nhuận/ (lỗ) khác	40		3.331.512.835	418.204.526
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		110.259.317.775	87.928.433.032
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.14	21.310.987.755	18.518.793.928
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	5.11	737.435.889	(928.194.869)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		88.210.894.131	70.337.833.973

HOÀNG THỊ THÚY VÂN
Người lập biểu

DIỆP QUỐC BÌNH
Kế toán trưởng



NGUYỄN QUANG MINH
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2022

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Mã số	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD			
Lợi nhuận trước thuế	01	110.259.317.775	87.928.433.032
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	84.271.786.553	94.756.960.455
Các khoản dự phòng/(hoàn nhập)	03	3.391.714.328	13.707.459.144
(Lãi), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(566.740.691)	(336.107.319)
(Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(26.754.963.097)	(19.186.115.971)
Chi phí lãi vay	06	27.393.438.511	34.266.656.403
Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	197.994.553.379	211.137.285.744
(Tăng), giảm các khoản phải thu	09	30.017.731.945	30.086.902.149
(Tăng), giảm hàng tồn kho	10	(11.091.050.289)	144.702.327.662
Tăng, (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(27.961.163.156)	(32.607.801.195)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	7.526.790.729	(5.267.099.451)
(Tăng)/ giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(28.003.685.312)	(34.007.703.286)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(23.934.543.074)	(12.594.444.821)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(4.384.752.874)	(7.771.776.599)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20	140.163.881.348	293.677.690.203
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(46.880.851.472)	(33.120.668.066)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	3.117.187.549	672.727.273
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(205.000.000.000)	(280.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	280.000.000.000	100.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	20.579.807.397	12.846.347.302
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	51.816.143.474	(199.601.593.491)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
Tiền thu từ đi vay	33	903.050.149.305	1.183.932.349.962
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.158.219.243.877)	(1.177.641.002.240)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(35.501.151.000)	(52.207.575.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(290.670.245.572)	(45.916.227.278)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50	(98.690.220.750)	48.159.869.434
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	60	197.779.526.106	149.445.974.470
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(18.378.278)	173.682.202
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	99.072.927.078	197.779.526.106


HOÀNG THỊ THÚY VÂN
 Người lập biểu


DIỆP QUỐC BÌNH
 Kế toán trưởng


NGUYỄN QUANG MINH
 Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2022

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301445210, đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 02 năm 2007 và các lần đăng ký thay đổi với lần thay đổi gần nhất là lần thứ 8 ngày 10 tháng 03 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Công ty có mã chứng khoán là TVT được niêm yết trên Sàn giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 223/QĐ-SGDHCM ngày 27 tháng 6 năm 2017.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất, thương mại, dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và mua bán sản phẩm bông, xơ, sợi, vải, sản phẩm may mặc; hoạt động thoát nước và xử lý nước thải; thu gom rác thải không độc hại; hoạt động của các cảng tin; kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Cấu trúc của Công ty**Công ty con**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
- Công ty cổ phần May Việt Thắng	127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất hàng may mặc, gia công may	52,27%	52,27%	52,27%
- Công ty cổ phần nguyên phụ liệu Dệt May Bình An	127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất và mua bán phụ liệu ngành dệt may	58,55%	58,55%	58,55%

Các Công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
- Công ty TNHH Việt Thắng Luch I	127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất các loại áo cao cấp	50,00%	50,00%	50,00%
- Công ty cổ phần Thương mại Dệt May TP. Hồ Chí Minh	96 Lý Tự Trọng, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất mua bán nguyên vật liệu ngành dệt	20,00%	20,00%	20,00%

TÔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trình bày trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

1.7 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tổng số nhân viên của Công ty là 937 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 990 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng ký hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Sản phẩm dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Thành phẩm: bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Chi phí bảo hiểm rủi ro tài sản, chi phí sửa chữa và công cụ dụng cụ

Chi phí bảo hiểm rủi ro tài sản, chi phí sửa chữa và công cụ dụng cụ được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian không quá 12 tháng kể từ khi phát sinh.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 3 năm.

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm trích khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 38 năm
Máy móc, thiết bị	3 – 12 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 – 8 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 9 năm

4.9 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa	05 – 25 năm

4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ

4.12 Tiền lương

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong năm được căn cứ vào mức lương và các khoản phụ cấp đã được thỏa thuận trên hợp đồng lao động.

4.13 Các khoản trích theo lương

Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương theo hợp đồng lao động vào chi phí là 17,5% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 8%. Từ tháng 7/2021, tính vào chi phí được giảm 0,5% phần nộp vào quỹ tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp.

Bảo hiểm y tế được trích trên lương vào chi phí là 3% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1,5%.

Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương vào chi phí là 1% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1%. Từ tháng 10/2021, doanh nghiệp không phải trích vào chi phí 1%.

Kinh phí công đoàn được trích trên lương vào chi phí là 2%.

4.14 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

4.15 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được căn nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.16 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh thu đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu về cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu về cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

4.17 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.18 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.19 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.20 Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.21 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các công ty / đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty / đối tượng	Quan hệ
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần May Việt Thắng	Công ty con
Công ty Cổ phần nguyên phụ liệu Dệt may Bình An	Công ty con
Công ty TNHH Việt Thắng Luch I	Công ty liên doanh
Công ty Cổ phần Thương mại Dệt May TP. Hồ Chí Minh	Công ty liên kết
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	Thành viên chủ chốt

TÓNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	797.618.399	301.211.488
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - VND	74.770.411.411	85.466.891.117
- USD (*)	3.504.897.268	42.011.423.501
Các khoản tương đương tiền (**)	20.000.000.000	70.000.000.000
	<u>99.072.927.078</u>	<u>197.779.526.106</u>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, khoản tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ là 154.809,95 USD, tương đương 3.504.897.268 VND.

(**) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có thời hạn 01 tháng, lãi suất từ 3,00% - 3,10%/năm.

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào các công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

5.2.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	145.000.000.000	145.000.000.000	220.000.000.000	220.000.000.000
	<u>145.000.000.000</u>	<u>145.000.000.000</u>	<u>220.000.000.000</u>	<u>220.000.000.000</u>

Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Công ty tài chính với lãi suất 6,75% - 7,75%/năm.

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.2.2 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2021			01/01/2021		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty con						
Công ty Cổ phần May Việt Thắng (1)	12.742.589.464	-	(*)	12.742.589.464	-	(*)
Công ty Cổ phần nguyên phụ liệu Dệt may Bình An (2)	65.148.095.000	-	(*)	65.148.095.000	-	(*)
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết						
Công ty TNHH Việt Thắng Luch I (3)	7.058.786.163	(3.552.349.941)	(*)	7.058.786.163	-	(*)
Công ty Cổ phần Thương mại Dệt may TP. Hồ Chí Minh (4)	9.000.000.000	(9.000.000.000)	(*)	9.000.000.000	(9.000.000.000)	(*)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Công ty TNHH Dệt Việt Phú (5)	3.600.000.000	-	(*)	3.600.000.000	-	(*)
	97.549.470.627	(12.552.349.941)		97.549.470.627	(9.000.000.000)	

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư vào đơn vị khác:

- (1) Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần May Việt Thắng với giá trị 12.742.589.464 VND, chiếm 52,27% vốn điều lệ.
- (2) Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần nguyên phụ liệu Dệt may Bình An với giá trị 65.148.095.000 VND, chiếm 58,55% vốn điều lệ.
- (3) Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Việt Thắng Luch I với giá trị 7.058.786.163 VND, chiếm 50,00% vốn điều lệ.
- (4) Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần Thương mại Dệt may TP. Hồ Chí Minh với giá trị 9.000.000.000 VND, chiếm 20,00% vốn điều lệ.
- (5) Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Dệt Việt Phú với giá trị 3.600.000.000 VND, chiếm 7,20% vốn điều lệ.

Tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên doanh, liên kết trong năm

Công ty cổ phần Thương mại Dệt may TP. Hồ Chí Minh và Công ty TNHH Việt Thắng Luch I kinh doanh thua lỗ Công ty đã trích lập dự phòng lần lượt theo tỷ lệ là 100% và 50%. Các công ty con khác và công ty liên doanh, liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào công ty liên kết, liên doanh

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào công ty liên kết như sau:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tại ngày đầu năm	9.000.000.000	9.000.000.000
Trích lập dự phòng bổ sung	3.552.349.941	-
Tại ngày cuối năm	12.552.349.941	9.000.000.000

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Giao dịch với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Công ty Cổ phần May Việt Thắng		
Doanh thu bán thành phẩm	1.628.026.160	20.280.740.473
Doanh thu cho thuê	1.295.860.340	1.451.512.780
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.609.622.384	3.291.726.375
Cổ tức được chia	1.045.375.000	1.045.375.000
Công ty Cổ phần nguyên phụ liệu Dệt May Bình An		
Doanh thu bán thành phẩm	740.000.200	276.967.150
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.143.347.787	1.253.943.645
Công ty TNHH Việt Thắng Luch I		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	950.768.627	1.213.983.696
Doanh thu cho thuê	1.224.692.163	1.906.950.098
5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải thu bên liên quan		
Công ty Cổ phần May Việt Thắng	2.496.253.012	6.551.268.307
Công ty TNHH Việt Thắng Luch I	2.968.147.008	1.375.517.155
Phải thu các khách hàng khác		
Công ty TNHH Dệt Việt Phú	60.270.382.168	71.142.192.952
Các khách hàng khác	147.389.411.840	165.367.076.196
	213.124.194.028	244.436.054.610

5.4 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác**5.4.1 Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu bên liên quan				
Công ty Cổ phần May Việt Thắng				
+ Phải thu về cổ tức	1.045.375.000	-	-	-
+ Phải thu về thuốc y tế	9.072.622	-	15.974.402	-
Công ty Cổ phần nguyên phụ liệu Dệt may Bình An				
+ Phải thu khác	2.601.675	-	5.659.607	-
Công ty TNHH Việt Thắng Luch I				
+ Phải thu về cổ tức	2.630.922.000	-	2.630.922.000	-
+ Phải thu về thuốc y tế	5.866.088	-	11.478.916	-
Các tổ chức và cá nhân khác				
Lãi tiền gửi dự thu	8.404.161.644	-	6.391.568.493	-
Cổ tức phải thu	1.080.000.000	-	1.080.000.000	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	662.951.025	-	-	-
Phải thu khác	1.292.342.089	-	2.256.909.506	-
	15.133.247.143	-	12.392.512.924	-

TÔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.4.2 Phải thu dài hạn khác

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu tổ chức và cá nhân khác				
Các khoản kỳ cược, ký quỹ	75.000.000	-	75.000.000	-
	75.000.000	-	75.000.000	-

5.5 Nợ xấu

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải thu thương mại				
Bên liên quan				
<i>Nợ quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm</i>				
Công ty Cổ phần May Việt Thắng	-	-	4.255.210.748	2.978.647.524
Các đối tượng khác				
<i>Nợ quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm</i>				
Ông Bùi Đức Nhạc	-	-	4.505.091.225	3.153.563.857
<i>Nợ quá hạn trên 2 năm dưới 3 năm</i>				
Công ty TNHH Thương mại Phó Nghiệp Thành	7.854.352.473	-	7.854.352.473	-
<i>Nợ quá hạn trên 3 năm</i>				
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đoàn Kết	273.667.757	-	273.667.757	-
Phải thu khác				
Bên liên quan				
<i>Nợ quá hạn trên 2 năm dưới 3 năm</i>				
Công ty TNHH Việt Thắng – Luch I	1.435.169.783	1.004.618.848	1.505.184.395	451.555.318
<i>Nợ quá hạn trên 3 năm</i>				
Công ty TNHH Việt Thắng – Luch I	3.245.202.226	-	1.133.948.503	-
Các đối tượng khác				
Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Quốc tế Đa Phương Thức Thống Minh – CN Đà Nẵng	-	-	936.928.058	-
	12.808.392.239	1.004.618.848	20.464.383.159	6.583.766.699

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tại ngày đầu năm	13.880.616.460	4.210.843.994
Trích lập/ (hoàn nhập) dự phòng trong năm	(2.076.843.069)	9.669.772.466
Tại ngày cuối năm	11.803.773.391	13.880.616.460

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	6.950.774.806	-	884.416.316	-
Nguyên vật liệu	22.811.364.177	(2.754.611.259)	30.638.800.596	-
Công cụ và dụng cụ	112.959.687	-	172.407.001	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	35.287.420.671	-	29.437.587.563	-
Thành phẩm	99.678.867.672	(5.392.393.611)	92.530.563.526	(6.230.797.414)
Hàng hóa	208.788.816	-	295.350.538	-
	165.050.175.829	(8.147.004.870)	153.959.125.540	(6.230.797.414)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tại ngày đầu năm	6.230.797.414	2.193.110.736
Trích lập/ (hoàn nhập) dự phòng trong năm	1.916.207.456	4.037.686.678
Tại ngày cuối năm	8.147.004.870	6.230.797.414

5.7 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn**5.7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Bảo hiểm rủi ro tài sản	12.672.726	39.788.784
Công cụ, dụng cụ	1.708.225.906	5.379.870.224
	1.720.898.632	5.419.659.008

5.7.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	1.420.724.102	2.556.593.194
Công cụ, dụng cụ	11.604.615.016	14.296.776.277
	13.025.339.118	16.853.369.471

TÔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.8 Tình hình tăng/ giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2021	136.941.437.787	993.561.139.969	11.726.793.990	778.523.319	1.143.007.895.065
Đầu tư XDCB hoàn thành	3.921.990.000	43.886.650.834	730.000.000	-	48.538.640.834
Thanh lý trong năm	-	(26.467.404.663)	(3.455.299.025)	-	(29.922.703.688)
Tại ngày 31/12/2021	<u>140.863.427.787</u>	<u>1.010.980.386.140</u>	<u>9.001.494.965</u>	<u>778.523.319</u>	<u>1.161.623.832.211</u>
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2021	81.267.247.594	644.248.477.319	9.426.448.675	654.746.033	735.596.919.621
Khấu hao trong năm	4.943.426.867	73.124.375.041	568.621.398	28.112.340	78.664.535.646
Giảm do thanh lý	-	(26.467.404.663)	(3.455.299.025)	-	(29.922.703.688)
Tại ngày 31/12/2021	<u>86.210.674.461</u>	<u>690.905.447.697</u>	<u>6.539.771.048</u>	<u>682.858.373</u>	<u>784.338.751.579</u>
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2021	55.674.190.193	349.312.662.650	2.300.345.315	123.777.286	407.410.975.444
Tại ngày 31/12/2021	<u>54.652.753.326</u>	<u>320.074.938.443</u>	<u>2.461.723.917</u>	<u>95.664.946</u>	<u>377.285.080.632</u>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2021	34.185.478.929	208.872.029.265	8.229.250.970	616.538.364	251.903.297.528
Tại ngày 31/12/2021	<u>56.406.195.128</u>	<u>278.465.038.678</u>	<u>4.773.952.022</u>	<u>616.538.364</u>	<u>340.261.724.192</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, giá trị còn lại của một số tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp đảm bảo cho các khoản vay là 271.760.631.359 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là 328.596.247.064 VND) – Xem thêm mục 5.17.

5.9 Tình hình tăng, giảm bất động sản đầu tư cho thuê

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND
Nguyên giá	
Tại ngày 01/01/2021	97.295.057.219
Tăng trong năm	-
Tại ngày 31/12/2021	<u>97.295.057.219</u>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Tại ngày 01/01/2021	43.745.304.631
Khấu hao trong năm	5.607.250.907
Tại ngày 31/12/2021	<u>49.352.555.538</u>
Giá trị còn lại	
Tại ngày 01/01/2021	53.549.752.588
Tại ngày 31/12/2021	<u>47.942.501.681</u>

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Nguyên giá bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê:

Tại ngày 01/01/2021	26.436.678.414
Tại ngày 31/12/2021	<u>27.323.713.414</u>

Theo quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 "Bất động sản đầu tư", giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày lập báo cáo cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Công ty và không có thị trường hoạt động cho loại bất động sản đầu tư này.

Thu nhập và chi phí liên quan đến cho thuê bất động sản đầu tư cho thuê như sau:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thu nhập từ việc cho thuê	<u>33.417.553.006</u>	<u>26.738.422.573</u>
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	<u>9.340.793.225</u>	<u>9.495.295.440</u>
Chi phí trực tiếp không liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	<u>-</u>	<u>-</u>

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2021 VND	Chi phí phát sinh trong năm VND	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm VND	31/12/2021 VND
Mua sắm tài sản cố định				
- Máy chải thô, máy sợi thô	4.238.773.388	-	(4.238.773.388)	-
Xây dựng cơ bản				
- Nâng cấp hệ thống vận chuyển búp sợi thô tự động	2.751.445	1.377.221.735	-	1.379.973.180
- Xây dựng nhà kho, cải tạo đường nội bộ, xây dựng nhà xe, nhà rác	-	4.438.790.000	(4.438.790.000)	-
- Nâng cấp nhà kho bông sợi B	-	1.365.000.000	-	1.365.000.000
- Tài sản khác	217.625.441	40.682.054.846	(39.861.077.446)	1.038.602.841
Sửa chữa lớn tài sản				
- Công trình cải tạo và nâng cấp nhà xưởng	1.430.800.000	265.900.000	-	1.696.700.000
	<u>5.889.950.274</u>	<u>48.128.966.581</u>	<u>(48.538.460.834)</u>	<u>5.480.276.021</u>

5.11 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tại ngày đầu năm	1.192.164.440	263.969.571
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	<u>(737.435.889)</u>	<u>928.194.869</u>
Tại ngày cuối năm	<u>454.728.551</u>	<u>1.192.164.440</u>

TÔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn, dài hạn**5.12.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Phải trả các bên liên quan		
Công ty Cổ phần nguyên phụ liệu Dệt may Bình An	5.342.887.086	6.257.968.258
Phải trả các nhà cung cấp khác		
Kangwai Polyester Co., Ltd	6.722.292.062	7.909.679.689
Tổng Công ty Điện lực Tp.Hồ Chí Minh - TNHH	3.633.424.574	3.143.696.432
Các nhà cung cấp khác	12.027.319.105	12.527.585.745
	27.725.922.827	29.838.930.124

5.12.2 Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Người mua trả tiền trước khác		
Công ty TNHH Thương mại Phong cách Sống	1.150.006.360	660.000.000
Các khách hàng khác	3.802.387.557	1.685.717.941
	4.952.393.917	2.345.717.941

5.14 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

	01/01/2021		Số phát sinh trong năm		31/12/2021
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải nộp VND
Thuế GTGT	5.534.392.182	-	81.309.554.713	(81.688.201.473)	5.155.745.422
Thuế xuất nhập khẩu	-	(5.579.264)	423.443.012	(417.863.748)	-
Thuế TNDN	9.101.946.789	-	21.310.987.755	(23.934.543.074)	6.478.391.470
Thuế thu nhập cá nhân	43.593.681	-	1.700.878.760	(1.707.142.163)	37.330.278
Tiền thuê đất	-	-	9.761.364.277	(9.761.364.277)	-
Các khoản thuế khác	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-
	14.679.932.652	(5.579.264)	114.509.228.517	(117.512.114.735)	11.671.467.170

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10% đối với hoạt động chính của công ty, là 5% với hoạt động khác, là 0% với mặt hàng xuất khẩu, và không thuế suất đối với hoạt động không chịu thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được ước tính như sau:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	110.259.317.775	87.928.433.032
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:		
- Chi phí không được trừ khi tính thuế	590.245.998	8.960.161.609
- Thu nhập được miễn thuế	(4.294.625.000)	(4.294.625.000)
Thu nhập tính thuế	106.554.938.773	92.593.969.641
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	21.310.987.755	18.518.793.928

Các loại thuế khác:

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Phải trả tổ chức và cá nhân khác		
Tiền vé máy bay	18.000.000	38.781.272
Cước vận chuyển	-	664.515
Chi phí khác	226.849.455	206.769.604
	244.849.455	246.215.391

5.16 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác**5.16.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Phải trả tổ chức và cá nhân khác		
Các khoản tài trợ thương mại từ ngân hàng (*)	32.815.666.910	70.116.709.763
Cổ tức phải trả	2.127.429.000	1.928.580.000
Kinh phí công đoàn	276.899.240	310.212.880
Nhận ký quỹ, ký cược	40.000.000	-
Các khoản phải trả khác	746.918.959	1.862.151.438
	36.006.914.109	74.217.654.081

(*) Đây là số tiền phải trả cho Thư tín dụng trả chậm có thể thanh toán ngay (UPAS/LC) cung cấp bởi các ngân hàng với kỳ hạn trả chậm là 180 ngày.

5.16.2 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Phải trả tổ chức và cá nhân khác		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	3.358.428.817	3.382.269.817
	3.358.428.817	3.382.269.817

5.16.3 Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

TÔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.17 Vay ngắn hạn, dài hạn**5.17.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn các tổ chức khác				
Vay ngắn hạn (*)	378.895.752.948	378.895.752.948	634.774.852.569	634.774.852.569
Nợ dài hạn đến hạn trả	18.203.428.000	18.203.428.000	20.747.948.000	20.747.948.000
	397.099.180.948	397.099.180.948	655.522.800.569	655.522.800.569

TÓNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Điều kiện và điều khoản của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN TP. Hồ Chí Minh (i) Khoản vay VND	VND	4,0% – 5,5%	260.466.310.934	330.435.382.034
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – CN TP. Hồ Chí Minh (ii) Khoản vay VND	VND	5,0%	60.413.222.476	50.756.054.243
Malayan Banking Berhad – CN TP. Hồ Chí Minh Khoản vay VND	VND	-	-	31.608.882.767
Ngân hàng SinoPac – CN TP. Hồ Chí Minh (iii) Khoản vay VND	VND	4,2%	7.251.723.681	63.210.348.407
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (iv) Khoản vay VND	VND	5,0%	50.764.495.857	114.184.141.090
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 1 Khoản vay VND	VND	-	-	44.580.044.028
			378.895.752.948	634.774.852.569

(i) Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 31/12/2021: 162.790.995.121 VND (tại ngày 01/01/2021: 215.411.500.837 VND).

(ii) Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 31/12/2021: 0 VND (tại ngày 01/01/2021: 6.303.556.369 VND).

(iii) Các khoản vay ngắn hạn này không có tài sản đảm bảo.

(iv) Khoản vay này đc đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 31/12/2021: 22.112.377.190 VND (tại ngày 01/01/2021: 79.238.727.668 VND)

TÔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.17.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn phải trả các tổ chức khác				
Vay dài hạn	80.070.491.377	80.070.491.377	79.935.841.135	79.935.841.135
Nợ dài hạn đến hạn trả	(18.203.428.000)	(18.203.428.000)	(20.747.948.000)	(20.747.948.000)
	61.867.063.377	61.867.063.377	59.187.893.135	59.187.893.135

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất %/Năm	Thời hạn Năm	31/12/2021	01/01/2021
				VND	VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN TP. Hồ Chí Minh					
Khoản vay USD (i)	USD	7,0%	05 – 08	44.702.143.018	65.149.537.825
Khoản vay VND (i)	VND	3,04% - 4,0%	05 – 08	19.085.364.215	11.282.666.150
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – CN TP. Hồ Chí Minh					
Khoản vay VND (ii)	VND	8,3 - 8,4%	05	2.962.571.829	3.503.637.160
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN TP. Hồ Chí Minh					
Khoản vay VND (iii)	VND	9,19%	05	13.320.412.315	-
Trừ nợ dài hạn đến hạn trả					
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	USD	4,0%	01	(17.327.520.000)	(19.872.040.000)
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – CN TP. Hồ Chí Minh	VND	9,3%	01	(875.908.000)	(875.908.000)
				61.867.063.337	59.187.893.135

(i) Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 31/12/2021: 17.186.005.141 VND (tại ngày 01/01/2021: 22.086.230.212 VND).

(ii) Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 31/12/2021: 10.406.849.099 VND (tại ngày 01/01/2021: 5.556.231.978 VND).

(iii) Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 31/12/2021: 59.264.404.808 VND.

5.18 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tại ngày đầu năm	7.487.027.707	7.350.509.638
Trích từ lợi nhuận	5.627.026.717	7.908.294.668
Sử dụng trong năm	(4.384.752.874)	(7.771.776.599)
Tại ngày cuối năm	8.729.301.550	7.487.027.707

TÔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.19 Vốn chủ sở hữu ("CSH")**5.19.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư 01/01/2020	210.000.000.000	3.062.727.273	53.396.822.577	234.586.262.653	501.045.812.503
Lãi trong năm	-	-	-	70.337.833.973	70.337.833.973
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(7.908.294.668)	(7.908.294.668)
Chia cổ tức	-	-	-	(52.500.000.000)	(52.500.000.000)
Số dư 31/12/2020	210.000.000.000	3.062.727.273	53.396.822.577	244.515.801.958	510.975.351.808
Số dư 01/01/2021	210.000.000.000	3.062.727.273	53.396.822.577	244.515.801.958	510.975.351.808
Lãi trong năm	-	-	-	88.210.894.131	88.210.894.131
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(5.627.026.717)	(5.627.026.717)
Chia cổ tức	-	-	-	(35.700.000.000)	(35.700.000.000)
Số dư 31/12/2021	210.000.000.000	3.062.727.273	53.396.822.577	291.399.669.372	557.859.219.222

5.19.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301445210, đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 02 năm 2007 và các lần đăng ký thay đổi với lần thay đổi gần nhất là lần thứ 8 ngày 10 tháng 03 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ của Công ty là 210.000.000.000 VND. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 các cổ đông Công ty đã góp đủ vốn.

	31/12/2021			01/01/2021		
	Cổ phiếu	VND	Tỷ lệ	Cổ phiếu	VND	Tỷ lệ
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	9.855.000	98.550.000.000	46,93%	9.855.000	98.550.000.000	46,93%
Cổ đông khác	11.145.000	111.450.000.000	53,07%	11.145.000	111.450.000.000	53,07%
	21.000.000	210.000.000.000	100%	21.000.000	210.000.000.000	100%

5.19.3 Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21.000.000	21.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	21.000.000	21.000.000
• Cổ phiếu phổ thông	21.000.000	21.000.000
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
• Cổ phiếu phổ thông	-	-
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.000.000	21.000.000
• Cổ phiếu phổ thông	21.000.000	21.000.000
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phiếu.

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.18.4 Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 60/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 5 năm 2021 như sau:

	VND
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	5.627.026.717
• Chia cổ tức	35.700.000.000
	<u>41.327.026.717</u>

5.20 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**Ngoại tệ**

	31/12/2021	01/01/2021
Dolla Mỹ (USD)	154.809,95	1.823.808,27

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán thành phẩm	1.107.384.759.167	1.235.874.004.558
Doanh thu bán hàng hóa	83.153.022.330	277.502.780.344
Doanh thu cung cấp dịch vụ	23.584.255.214	30.994.768.010
Doanh thu bán phế liệu	34.198.024.489	27.855.105.191
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	33.417.553.006	26.738.422.573
	<u>1.281.737.614.206</u>	<u>1.598.965.080.676</u>
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Giảm giá hàng bán	(1.133.806.500)	(149.646.246)
Hàng bán bị trả lại	(861.696.000)	(3.982.915.460)
	<u>(1.995.502.500)</u>	<u>(4.132.561.706)</u>
Doanh thu thuần	<u>1.279.742.111.706</u>	<u>1.594.832.518.970</u>

Trong đó, doanh thu với các bên liên quan:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Công ty cổ phần May Việt Thắng	5.533.508.884	25.023.979.628
Công ty TNHH Việt Thắng Luch I	2.175.460.790	3.120.933.794
Công ty cổ phần Thương mại Dệt May Bình An	1.883.347.987	1.530.910.795
	<u>9.592.317.661</u>	<u>29.675.824.217</u>

TÔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giá vốn thành phẩm	932.644.676.560	1.093.492.469.844
Giá vốn hàng hóa	81.824.202.581	274.821.541.533
Giá vốn cung cấp dịch vụ	21.196.021.870	28.077.043.444
Giá vốn phế liệu	31.214.736.575	21.606.841.735
Giá vốn bất động sản đầu tư cho thuê	9.340.793.225	9.495.295.440
Tăng/(Hoàn nhập) dự phòng hàng tồn kho	3.593.015.062	4.037.686.678
	1.079.813.445.873	1.431.530.878.674

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tiền lãi chậm thanh toán	271.218.458	1.411.679.767
Lãi tiền gửi ngân hàng	19.343.150.548	14.299.482.576
Cổ tức được chia	4.294.625.000	4.294.625.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.219.818.934	1.573.166.527
	27.128.812.940	21.578.953.870

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí lãi vay	27.393.438.511	34.266.656.403
Chi phí tài chính khác	3.945.479.676	1.278.976.865
	31.338.918.187	35.545.633.268

6.5 Chi phí bán hàng

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	1.024.521.959	1.076.966.635
Chi phí hoa hồng	2.567.655.452	3.226.626.236
Chi phí khấu hao tài sản cố định	397.090.859	859.007.777
Chi phí bán hàng khác	825.239.640	1.501.034.612
	4.814.507.910	6.663.635.260

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân viên quản lý	54.086.552.442	26.702.020.204
Thuế, tiền thuê đất	4.584.437.473	4.933.866.578
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	25.305.257.821	23.525.210.350
	83.976.247.736	55.161.097.132

TỔNG CÔNG TY VIỆT THĂNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

6.7 Thu nhập khác

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định	3.117.187.549	592.008.395
Các khoản thu nhập khác	294.715.867	13.030.989
	<u>3.411.903.416</u>	<u>605.039.384</u>

6.8 Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

6.9 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giá vốn bán hàng hóa	87.123.650.481	282.133.494.221
Chi phí nguyên vật liệu	689.820.356.319	677.532.743.483
Chi phí nhân công	141.783.779.844	128.438.457.929
Chi phí khấu hao tài sản cố định	84.271.786.553	94.756.960.455
Chi phí dịch vụ mua ngoài	178.920.205.330	223.752.462.059
	<u>1.181.919.778.527</u>	<u>1.406.614.118.147</u>

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**7.1 Tiền thu từ đi vay**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	902.474.794.498	1.183.932.349.962
	<u>902.474.794.498</u>	<u>1.183.932.349.962</u>

7.2 Tiền trả nợ gốc vay

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	1.157.518.169.237	1.177.641.002.240
	<u>1.157.518.169.237</u>	<u>1.177.641.002.240</u>

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, đầu tư ngắn hạn, dài hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Hội đồng quản trị liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Hội đồng quản trị xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

Hội đồng quản trị đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm ngoại trừ các khoản phải thu được trình bày tại thuyết minh số 5.3 và đầu tư dài hạn khác được trình bày tại thuyết minh số 5.2.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Hội đồng quản trị cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với nợ phải trả tài chính và thời hạn thanh toán như đã thỏa thuận trên cơ sở dòng tiền chưa được chiết khấu theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả:

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2021			
Các khoản vay	397.099.180.948	61.867.063.377	458.966.244.325
Phải trả người bán	27.725.922.827	-	27.725.922.827
Các khoản chi phí phải trả, phải trả, phải nộp khác	35.974.864.324	3.358.428.817	39.333.293.141
	460.799.968.099	65.225.492.194	526.025.460.293

TÔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Ngày 01 tháng 01 năm 2021

Các khoản vay	655.522.800.569	59.187.893.135	714.710.693.704
Phải trả người bán	29.838.930.124	-	29.838.930.124
Các khoản chi phí phải trả, phải trả, phải nộp khác	74.153.656.592	3.382.269.817	77.535.926.409
	759.515.387.285	62.570.162.952	822.085.550.237

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

Tài sản đảm bảo

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021:

- Công ty thế chấp tài sản cố định hữu hình của mình để đảm bảo cho khoản vay ngân hàng – xem mục 5.8; và
- Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác.

iv. Giá trị hợp lý

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Tài sản tài chính				
Phải thu khách hàng	203.957.208.725	233.679.943.788	203.957.208.725	233.679.943.788
Phải thu khác	12.385.695.787	9.039.265.942	12.385.695.787	9.039.265.942
Các khoản đầu tư	148.600.000.000	223.600.000.000	148.600.000.000	223.600.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền	99.072.927.078	197.779.526.106	99.072.927.078	197.779.526.106
	464.015.831.590	664.098.735.836	464.015.831.590	664.098.735.836
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	458.966.244.325	714.710.693.704	459.667.318.965	714.710.693.704
Phải trả người bán	27.725.922.827	29.838.930.124	27.725.922.827	29.838.930.124
Chi phí phải trả, các khoản phải trả khác	39.333.293.141	77.535.926.409	39.333.293.141	77.535.926.409
	526.025.460.293	822.085.550.237	526.726.534.933	822.085.550.237

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty chưa đánh giá lại các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính theo giá trị hợp lý do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Vào ngày 01 tháng 01 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tương ứng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này. Hội đồng quản trị cho rằng giá trị hợp lý của những tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

9. CÁC THÔNG TIN KHÁC**9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

9.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

		Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tiền lương và các khoản thu nhập khác			
Hội đồng Quản trị	Chức vụ		
Ông Nguyễn Đức Khiêm	Chủ tịch	530.714.000	48.000.000
Ông Nguyễn Quang Minh	Thành viên	36.000.000	18.000.000
Ông Lê Nguyễn Ngọc	Thành viên	3.000.000	33.000.000
Ông Điều Chí Hào	Thành viên	42.000.000	42.000.000
Ông Phạm Minh Tuấn	Thành viên	36.000.000	36.000.000
Bà Trần Thị Thanh Phượng	Thành viên	409.355.000	360.877.000
Ban Kiểm soát	Chức vụ		
Ông Nguyễn Đức Lợi	Trưởng ban	185.019.000	190.377.000
Bà Vũ Thị Thùy Dương	Thành viên	28.000.000	28.000.000
Bà Đào Thị Nội	Thành viên	24.000.000	28.000.000
Ban Quản lý điều hành	Chức vụ		
Ông Nguyễn Đức Khiêm	Tổng Giám đốc	-	493.817.000
Ông Nguyễn Quang Minh	Tổng Giám đốc	563.237.000	435.731.000
Ông Phạm Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	34.000.000	163.970.000
Ông Diệp Quốc Bình	Kế toán trưởng	420.549.000	363.178.000

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

9.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các khoản giao dịch nêu tại thuyết minh 5.2.2 Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
Chia cổ tức	16.753.500.000	24.637.500.000
Công ty cổ phần May Việt Thắng		
Mua hàng hóa	171.944.999	267.074.104
Chi phí gia công	224.007.000	-
Cổ tức được chia	1.045.375.000	1.045.375.000
Công ty cổ phần nguyên phụ liệu Dệt May Bình An		
Mua hàng hoá	5.977.084.856	7.764.009.423
Chi phí gia công	33.494.288.970	48.022.534.391
Chi phí thuê	308.059.940	534.231.070
Cổ tức được chia	3.249.250.000	3.249.250.000
Công ty TNHH Việt Thắng Luch I		
Chi phí khác	-	514.102.340

Công nợ với các bên liên quan

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục 5.3, 5.4 và 5.12.

9.2 Thông tin về bộ phận

Thông tin về báo cáo theo bộ phận được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất.

9.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính.

HOÀNG THỊ THUÝ VÂN
Người lập**DIỆP QUỐC BÌNH**
Kế toán trưởng**NGUYỄN QUANG MINH**
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2022